TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/02/2025
"V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Văn Đức.
2.Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2024/TB-TLST ngày 05/12/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị Đỗ Thị H; sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang (hiện đang lao động tại nước ngoài).

+Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Đỗ Thị H là ông Đỗ Ngọc V; có địa chỉ thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn**: Anh Giáp Văn K, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang (hiện đang lao động tại nước ngoài).

*+**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

Ông Giáp Văn Đ, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/11/2024, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh K được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh K làm dâu và vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 7/2023 chị đi lao động tại Đài Loan, còn anh K ở nhà, đến khoảng tháng 2/2024 thì anh K đi lao động tại Nhật Bản. Trước khi chị ở nhà thì vợ chồng đã có mâu thuẫn với nhau và khi chị sang Đài Loan thì vợ chồng cũng ít liên lạc với nhau chỉ hỏi thăm tình hình học tập của các con, khi cả hai vợ chồng ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn K.

Về con chung: chị và anh K có 02 con chung là cháu Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014. Hiện nay các cháu đang ở với ông Giáp Văn Đ là ông nội của các cháu. Ly hôn chị đề nghi giao cả hai con chung anh Giáp Văn K nuôi dưỡng trong thời gian anh chị ở nước ngoài thì giao hai cháu cho ông Giáp Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung*:* không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị đang lao động tại nước ngoài nên không về tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh K được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh K.

Chị cũng ủy quyền cho ông Đỗ Ngọc V; có địa chỉ thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí và nhận các văn bản tố tụng, nhận bản án, trích lục của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn là anh Giáp Văn K hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh K, đến nay Tòa án không nhận được thông tin của anh K.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Giáp Văn Đ là bố đẻ của anh K. Ông Đ trình bày: tôi là bố đẻ của anh Giáp Văn K. Anh K hiện nay không có mặt tại địa phương, anh K đang làm việc tại Nhật Bản. Anh K ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể. Về địa chỉ của anh K ở nước ngoài thì ông không được biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Chị H có đơn xin ly hôn với anh K thì quan điểm của anh

K là đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, anh K chị H có 2 con chung là Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014. Hiện nay, các cháu đang ở với anh K và ông bà nội. Ly hôn anh K đồng ý nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Văn Đ trình bày: Ông là ông nội của cháu Giáp Gia B và cháu Giáp Thị Kim A. Vợ chồng anh K chị H hiện nay đang ở nước ngoài, từ nhỏ đến nay các cháu vẫn đang ở với ông. Anh K vẫn thường xuyên quan tâm và gọi điện hỏi han, chu cấp cho các cháu. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng anh K chị H, ông đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý nhận nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu trong thời gian anh K ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi các cháu ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Tòa án đã làm việc với các cháu Giáp Gia B và cháu Giáp Thị Kim A, các cháu đều trình bày: Các cháu là con của bố Giáp Văn K và mẹ Đỗ Thị H, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố là Giáp Văn K và ông bà nội. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H, ông Đ xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Anh Giáp Văn K vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày gì.

Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, ông Đ; Biên bản biên bản làm việc với các cháu Giáp Thị Kim A và cháu Giáp Gia B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104 và khoản 2 điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H. Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Giáp Văn K.

Về con chung: giao cháu Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Giáp Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nhưng tạm giao cháu Giáp Gia B và cháu Giáp Thị Kim A cho ông Giáp Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh Giáp Văn K ở nước ngoài.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: chị Đỗ Thị H là nguyên đơn, ông Giáp Văn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị H và ông Giáp Văn Đ.

Đối với bị đơn anh Giáp Văn K vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với ông Giáp Văn Đ là bố đẻ của anh Giáp Văn K để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Đ thông báo cho anh K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" giữa chị Đỗ Thị H và anh Giáp Văn K; yêu cầu anh K viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Ông Giáp Văn Đ trình bày: anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh K cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét xử vắng mặt bị đơn anh K theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: chị Đỗ Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly anh Giáp Văn K, anh K hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 28280/QLXNC-P3 v/v cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh ngày 28/11/2024 của Cục Q), thì anh K đã xuất cảnh ngày 26/3/2024 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về con chung" có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về hôn nhân**: Chị Đỗ Thị H và anh Giáp Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được Ủy ban nhân dân xã Y cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh K. Xem xét đơn khởi kiện của

chị H, Hội đồng xét xử thấy chị H xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống chị và anh K đã không còn liên lạc gì với nhau. Hiện nay, chị H và anh K đều đang ở nước ngoài nhưng vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì tới nhau nữa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh K.

[**4]. Về con chung**: Chị Đỗ Thị H và anh Giáp Văn K có 02 con chung là cháu Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014. Hiện nay, các cháu đang ở với anh K và ông bà nội. Ly hôn chị H đề nghị giao cả 2 cháu cho ông Giáp Văn Đ (là ông nội) nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: từ khi chị H và anh K đi nước ngoài lao động đến nay thì các cháu Giáp Gia B và cháu Giáp Thị Kim A vẫn ở cùng với ông bà nội (bố mẹ anh K) các cháu được ông bà chăm sóc, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, anh K vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố, chị H đề nghị giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu cháu Giáp Gia B và cháu Giáp Thị Kim A cho anh Giáp Văn K nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H về con chung. Giao con chung là cháu Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Giáp Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên hiện nay anh Giáp Văn K đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho ông Giáp Văn Đ chăm sóc các cháu trong thời gian anh K ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Giáp Văn K.

2.Về con chung: Giao cho anh Giáp Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Giáp Gia B, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Giáp Thị Kim A, sinh ngày 03/12/2014 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Giáp Gia B,và cháu Giáp Thị Kim A cho ông Giáp Văn Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu trong thời gian anh Giáp Văn K ở nước ngoài.

Chị Đỗ Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000265 ngày 05/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4.Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đỗ Thị H và anh Giáp Văn K hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Cổng thông tin điện tử TANDTC
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung